

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán chi phí lập
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Chi Lăng đến năm 2040,
tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Chi Lăng đến năm 2040 tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 18/TTr-SXD ngày 29/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Chi Lăng đến năm 2040 tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000 như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung chi phí:

Chi phí mua, thành lập bản đồ địa hình (tạm tính): 100.000.000,0 đồng.

2. Điều chỉnh tổng dự toán:

Tổng dự toán chi phí : 2.031.840.000,0 đồng (chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Các nội dung khác không đề cập tại Quyết định này giữ nguyên theo Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Chi Lăng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(HVTr).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lương Trọng Quỳnh

Phụ lục
BẢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi phí	Cách tính	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi phí trực tiếp			
1.1	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	Bảng số 01 - Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019	83.249.609	Theo Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 12/12/2022
1.2	Chi phí lập đồ án quy hoạch	Bảng số 01 - Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019	1.408.413.679	Theo Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 12/12/2022
1.3	Chi phí lập hồ sơ quy hoạch theo GIS	Văn bản số 668/SXD-QHKT&PTĐT ngày 26/4/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn	140.841.368	Theo Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 12/12/2022
1.4	Chi phí mua, thành lập bản đồ địa hình	Tạm tính	100.000.000	Chi phí bổ sung
	Cộng (1)		1.732.504.656	
2	Chi phí quản lý nhà nước			
2.1	Chi phí thẩm định NVQH	Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019	25.694.324	Theo Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 12/12/2022
2.2	Chi phí thẩm định đồ án QH	Bảng số 11 - Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019	89.877.658	Theo Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 12/12/2022
2.3	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án QH	Bảng số 11 - Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019	84.661.311	Theo Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 12/12/2022
2.4	Chi phí xin ý kiến cộng đồng dân cư (Không quá 2%)	Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019	26.081.735	Theo Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 12/12/2022

2.5	Chi phí công bố quy hoạch (Không bao gồm panô quảng cáo)	Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019	42.252.410	Theo Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 12/12/2022
3	Chi phí lựa chọn nhà thầu		13.530.902	
3.1	Chi phí lập HSMT	Bảng 2.18 - Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021	5.335.968	Theo Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 12/12/2022
3.2	Chi phí đánh giá HSDT	Bảng 2.18 - Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021	6.521.739	Theo Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 12/12/2022
3.3	Chi phí thẩm định HSMT	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP	836.598	Theo Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 12/12/2022
3.4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP	836.598	Theo Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 12/12/2022
4	Chi phí khác		17.237.419	Theo Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 12/12/2022
4.1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán TMDT X,57%X50%	Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021	3.716.647	Theo Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 12/12/2022
4.2	Chi phí kiểm toán (NĐ 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021)	Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021	13.520.771	Theo Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 12/12/2022
	Cộng (2+3+4)		299.335.759	
	Tổng giá trị dự toán làm tròn		2.031.840.000	

Bằng chữ : Hai tỷ, không trăm ba mươi một triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn